

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2020/HS-PT

Ngày: 17-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 110/2020/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Phan Trung H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2020/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

Bị cáo có kháng cáo: Phan Trung H, sinh ngày 26/7/1995 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Trung T và bà Nguyễn Thị Ngọc B; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 09/01/2020, Trần Hữu H1 đến Công viên Lê Thị Riêng ở Thành phố Hồ Chí Minh mua của một đối tượng không rõ lai lịch 3.000.000 đồng ma túy đá đem về nhà phân chia thành nhiều tép nhỏ. Sau đó, H1 bán cho Phan Trung H 01 tép ma túy đá giá 300.000 đồng vào ngày 30/01/2020 tại quán cà phê Hoàng Gia ở xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre; bán cho Huỳnh Phạm Ngọc Th 01 tép ma túy đá giá 200.000 đồng vào ngày 31/01/2020 và 01 tép ma túy đá giá

200.000 đồng vào ngày 03/02/2020 tại nhà của Th; bán cho Nguyễn Chí Đ 01 tép ma túy đá giá 200.000 đồng vào ngày 06/02/2020 tại nhà của Huỳnh Phạm Ngọc Th;

Đến ngày 09/02/2020, H1 tiếp tục lên Thành phố Hồ Chí Minh mua 3.000.000 đồng ma túy đá về phân thành nhiều tép nhỏ. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 10/02/2020, H1 đang ngồi uống cà phê với Phan Trung H thì nhận được điện thoại của Huỳnh Phạm Ngọc Th hỏi mua 200.000 đồng ma túy, H1 nhờ H mang ma túy đi bán hộ, H đồng ý và chạy xe mô tô đến nhà Th thì Nguyễn Chí Đ có mặt tại nhà Th mua nên H bán cho Đ 01 tép ma túy đá và lấy 200.000 đồng về đưa cho H1. Đến khoảng 14 giờ 20 phút ngày 13/02/2020, Nguyễn Chí Đ đến nhà Huỳnh Phạm Ngọc Th chơi và rủ Th mua ma túy sử dụng, Th liền điện thoại cho Trần Hữu H1 hỏi mua 200.000 đồng ma túy, một lúc sau thì H1 điều khiển xe mô tô chở theo Lê Thị Hồng Nh (vợ H1) đến nhà Th rồi cả hai vào ngồi dưới nền gạch trong phòng ngủ của Th, Nh thì ngồi chơi điện thoại, còn H1 lấy ma túy trong ví ra bán cho Th và Đ mỗi người 01 túi ma túy giá 200.000 đồng rồi Th nhờ H1 cất gói ma túy bỏ vào bình để sử dụng thì bị lực lượng Công an huyện T ập vào bắt quả tang.

Vật chứng và tài sản thu giữ, gồm:

* Thu giữ khi bắt quả tang, hiện chưa xử lý, gồm:

- Thu giữ của Trần Hữu H1:

+ 16 túi nilon bên trong chứa tinh thể màu trắng gồm: 01 túi nilon màu trắng hàn kín bốn cạnh kích thước 04cm x 3,5cm bên trong chứa tinh thể màu trắng; 05 túi nilon màu trắng hàn kín bốn cạnh kích thước mỗi túi 1,8cm x 01cm bên trong chứa tinh thể màu trắng, từng mặt mỗi túi có viết số 1 màu đen; 07 túi nilon màu trắng hàn kín bốn cạnh kích thước mỗi túi 02cm x 1,2cm bên trong chứa tinh thể màu trắng, từng mặt mỗi túi có viết số 2 màu đen; 02 túi nilon màu trắng hàn kín bốn cạnh kích thước mỗi túi 2,3cm x 1,4cm bên trong chứa tinh thể màu trắng, từng mặt mỗi túi có viết số 3 màu đen; 01 túi nilon màu trắng hàn kín bốn cạnh kích thước 2,1cm x 1,5cm bên trong chứa tinh thể màu trắng, mặt túi có viết số 4 được niêm phong trong phong bì ký hiệu T01;

+ 01 túi nilon rỗng màu trắng ba cạnh kín, 01 cạnh có đường vân nổi dọc theo miệng túi, cạnh đường vân nổi có 01 đường viền màu đỏ có kích thước 07cm x 06cm được niêm phong trong phong bì ký hiệu T02;

+ Số tiền 500.000 đồng, trong đó gồm: 200.000 đồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu T03; 200.000 đồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu T04 và 100.000 đồng được niêm phong trong phong bì ký hiệu T05;

+ 01 điện thoại di động vỏ màu xanh, có chữ MI màu đen, bên trong có gắn sim 1 số: 0774579739, sim 2 số: 0869397176 được niêm phong trong phong bì ký hiệu T06, sau đó được mở ra và niêm phong lại;

+ 01 bóp da màu vàng nhạt kích thước 23cm x 9,5cm;

+ 01 kéo bằng kim loại dài 08cm.

- Thu giữ của Nguyễn Chí Đ: 01 túi nylon màu trắng hàn kín bốn cạnh trên mặt túi viết số 2 màu đen kích thước 02cm x 1,2cm bên trong chứa tinh thể màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu T07.

- Thu giữ của Huỳnh Phạm Ngọc Th:

+ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 vỏ chai màu trắng có nắp màu đỏ, 01 nõ thủy tinh màu trắng, 01 ống hút bằng nhựa màu trắng vàng;

+ 01 túi nylon rộng trên mặt túi có viết số 3 màu đen được hàn kín ba cạnh có kích thước 02cm x 1,5cm được niêm phong trong phong bì ký hiệu T08;

+ 01 bật lửa màu đỏ có gắn cây tiem bằng kim loại.

* Thu giữ khi khám xét tại hộ của ông Trần Văn H (cha H1) hiện chưa xử lý gồm:

- 01 dụng cụ ký hiệu MANLLORO gồm hai phần được gấp lại kích thước 09cm x 5,5cm màu trắng đỏ, khi mở ra có kích thước 18cm x 5,5cm.

- 03 kéo kim loại màu trắng, trong đó 01 kéo dài 10,5cm và 02 kéo dài 8,5cm.

- 01 bút mực loại lớn màu đen dài 14cm.

Tại Bản kết luận giám định số 12/2020/GĐMT ngày 15/02/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 16 túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu T01 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 3,0267 gam. Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu T07 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0470 gam. Tổng khối lượng là

3,0737 gam. Hoàn lại mẫu vật ký hiệu T01 sau giám định được niêm phong trong phong bì số 12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre có khối lượng là 2,9353 gam, không hoàn lại mẫu vật T07 do giám định hết.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2020/HS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phan Trung H phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”;

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Trung H 02 (hai) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Hữu H1, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 09/10/2020, bị cáo Phan Trung H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Trung H khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phan Trung H phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về tình tiết giảm nhẹ được áp dụng cho bị cáo theo điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 02 năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật và hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Trung H 02 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo không tranh luận và không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 10/02/2020, Nguyễn Hữu H1 đang ngồi uống cà phê với Phan Trung H thì nhận được điện thoại của Huỳnh Phạm Ngọc Th hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá, H1 nhờ H mang ma túy đá đi bán hộ, H đồng ý và chạy xe mô tô đến nhà Huỳnh Phạm Ngọc Th ở ấp N, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre thì Nguyễn Chí Đ có mặt tại nhà Th mua nên H bán cho Đ 01 tép ma túy đá và lấy 200.000 đồng về đưa cho H1. Với ý thức, hành vi và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phan Trung Hậu phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, thấy rằng:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo 02 năm tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy tệ nạn ma túy là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, không những gây tác hại cho sức khỏe, làm suy thoái nòi giống con người, phá hoại hạnh phúc gia đình mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Xét thấy bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được pháp luật của Nhà nước nghiêm cấm việc mua bán trái phép chất ma túy nhưng bị cáo vẫn cố ý bán trái phép 01 tép ma túy đá giá 200.000 đồng, mặc dù bị cáo đi bán ma túy giùm cho bị cáo

Hành nhưng hành vi của bị cáo đã cấu thành “Tội mua bán trái phép chất ma túy”; bản thân bị cáo đã có sử dụng ma túy và thừa nhận hiểu rõ tác hại của tệ nạn ma túy. Hành vi bán trái phép chất ma túy của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn tiếp tay cho những người nghiện ma túy, làm cho tệ nạn ma túy ngày càng gia tăng, gây nên nhiều bất ổn cho xã hội, kéo theo nhiều loại tội phạm khác có thể xảy ra. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội. Mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo có cung cấp danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng của bà Nguyễn Thị M, bị cáo cho rằng bà M có mối quan hệ là bà cố của bị cáo, và cung cấp xác nhận của Công an xã Hưng Lễ về việc bị cáo không vi phạm pháp luật để yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Tuy nhiên; xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, đồng thời cũng đã xem xét đến tác hại của tệ nạn ma túy, xử phạt bị cáo 02 năm tù theo mức khởi điểm của khung hình phạt và không cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra, có tác dụng răn đe phòng ngừa chung trước thực trạng tệ nạn ma túy ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Trung H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 36/2020/HS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Trung H 02 (hai) năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Phan Trung H phải nộp 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Hữu H1, phân xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Ba Tri (3b);
- Công an và VKSND huyện Ba Tri (2b);
- Chi cục THADS huyện Ba Tri (1b);
- UBND xã Hưng Lễ, huyện Ba Tri (1b);
- Bị cáo (01b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông